

NGÔN NGỮ VĂN XUÔI NAM BỘ ĐẦU THẾ KỈ XX TRONG NGHĨA HIỆP KÌ DUYÊN CỦA NGUYỄN CHÁNH SẮT

HUỲNH THỊ HỒNG HẠNH*

TÓM TẮT

Trên cơ sở phân tích các đặc điểm về dùng từ, diễn đạt và cách tổ chức văn bản trong Nghĩa hiệp kì duyên (1925) của Nguyễn Chánh Sắt, bài viết đã khái quát những đặc điểm nổi bật của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ đầu thế kỉ XX, từ đó khẳng định những đóng góp quan trọng của Nguyễn Chánh Sắt cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại ở thời kì đầu.

Từ khóa: từ ngữ, Nguyễn Chánh Sắt, văn xuôi quốc ngữ, Nam Bộ, tiểu thuyết.

ABSTRACT

Prose writing language in Southern Vietnam in the early of the 20th century used in “Chivalrous hero’s marvellous love affair” by Nguyen Chanh Sat

Basing on the analysis of features including word choice, expressions and organization of context in “Chivalrous hero’s marvellous love affair” (1925) by Nguyen Chanh Sat, the essay has generalized the outstanding features of national prose language in Southern Vietnam in the early of the 20th century. From that we can affirm Nguyen Chanh Sat’s important contributions to the modern Vietnamese novels’ style in the early period.

Keywords: wording, Nguyen Chanh Sat, national prose language, South Vietnam, novel.

Nói đến văn xuôi Nam Bộ đầu thế kỉ XX, người ta hay nhắc đến Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trọng Quản, Hồ Biểu Chánh, Trần Chánh Chiêu, Lương Duy Toàn... Mặc dù không phải là nhà văn đóng vai trò tiên phong như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trọng Quản và cũng không thu được nhiều thành tựu như Hồ Biểu Chánh nhưng Nguyễn Chánh Sắt thực sự được biết tới như một cây bút tiểu thuyết quốc ngữ Nam Kỳ nổi bật ở thời kì đầu. Trong khoảng thời gian từ năm 1915 đến năm 1930, nhiều tác phẩm của ông như *Trình hiệp lưỡng nữ* (1915), *Gái trả thù cha* (1920), *Tình đời ấm lạnh* (1922), *Lòng người nham hiểm* (1925), *Giang hồ*

nữ hiệp (1928)... đã được độc giả Nam Kỳ ưa chuộng, hâm mộ. Đặc biệt tiểu thuyết *Nghĩa hiệp kì duyên* (*Chàng Cà Mù*) được viết vào năm 1920 của Nguyễn Chánh Sắt đã trở thành một tác phẩm tiêu biểu của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ trong thời kì đầu tiên của một dòng văn học mới, mở đầu cho thể loại tiểu thuyết xã hội rất được ưa chuộng ở Nam Kỳ lục tỉnh. Cuốn tiểu thuyết từng được đánh giá là “một tác phẩm tiêu biểu của bộ môn tiểu thuyết được hình thành bằng kết hợp những truyền thống về truyện cổ sẵn của văn học Việt Nam với những đặc tính của tiểu thuyết phương Tây” [7, tr.233]. Tác phẩm này còn được xem là một cột mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển theo chiều hướng hiện đại

* TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP HCM

trong lĩnh vực ngôn ngữ văn xuôi và đặc biệt chất Nam Bộ thể hiện đậm nét qua từ ngữ, văn phong trong sáng, bình dị, mộc mạc. Trong bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu những nét đặc sắc của ngôn ngữ văn xuôi Nam Bộ đầu thế kỉ XX trong *Nghĩa hiệp kì duyên* của Nguyễn Chánh Sắt.

1. Sự hòa trộn giữa từ vựng khẩu ngữ Nam Bộ với từ vựng sách vở Nho học

Đọc *Nghĩa hiệp kì duyên*, người đọc dễ dàng nhận ra đặc trưng sử dụng từ ngữ nổi bật nhất là sự hòa trộn khá đặc biệt giữa lớp từ ngữ hội thoại mộc mạc, hồn nhiên, đậm chất Nam Bộ với những từ ngữ Hán Việt cầu kì, khuôn sáo, mang màu sắc sách vở.

1.1. Đưa ngôn ngữ hội thoại vào văn chương

Từ ngữ Nam Bộ trong *Nghĩa hiệp kì duyên* đã góp phần tái hiện chân thực màu sắc sinh động của cuộc sống người dân Nam Bộ đầu thế kỉ XX. Các từ láy tượng thanh, tượng hình giàu sức gợi tả đã đi vào câu văn xuôi một cách hết sức tự nhiên. Ngay từ câu văn mở đầu tác phẩm, đã có một số từ láy xuất hiện:

“*Vừa cuối tiết thu, trời chiều mát mẻ: trên nhành chim kêu **chiêu** – **chích**, dưới sông cá lội **vỗn** **vơ**; Lâm- trí Viễn tay cầm nhứt báo, tay xách ba-ton (baton), rảo bước thung dung, **thơ** **thần** lối cầu đường núi Sam là chỗ hẹn hò với tình nhân mà trao lời tâm sự.*”

Có khá nhiều từ láy được dùng với biến thể địa phương: *vỗn* *vơ* (vấn *vơ*), *linh* *đinh* (lênh *đên*h), *bình* *bồng* (bênh *bồng*), *vạm* *vở* (vạm *vở*), *khấp* *khởi* (khấp

khởi), *thắm* *thoát* (*thắm* *thoát*), *nhắm* *nhía* (*ngắm* *nhía*), *gởi* *gắm* (*gửi* *gắm*), *khấn* *khích* (*khấn* *khích*), *xén* *lên* (*bên* *lên*)... Một số từ láy là những từ cũ gần như đã không còn được sử dụng trong phương ngữ Nam Bộ hiện đại: *chiêu* *chích*, *tác* *tuổi*, *rùng* *rùng* (*thức* *dậy*), *tường* *tác*, (*nói*) *lăn* *lúu*, *xon* *xao* (*bước* *tới*), *sáng* *sốt* (*tâm* *thần*), *khấn* *khấn* (*một* *lòng*), (*xách* *gói*) *xung* *xăng* (*đi*) *thắm* *thoát*. Các tổ hợp láy từ cũng được đưa vào trong câu văn miêu tả khá tự nhiên và giàu hình ảnh: *gió* *gió* *trăng* *trăng*, (*khóc*) *tắm* *tức* *tắm* *tuổi*, *mừng* *quỳnh* *mừng* *quíu*, *bò* *lóc* *bò* *lem*,... Đặt trong văn cảnh cụ thể, các tổ hợp láy này đã mang lại sự gợi tả cảm xúc, tình cảm, giúp người đọc dễ dàng hình dung về đặc điểm tâm lí, tình cảm nhân vật:

“*Đào Phi Đáng nghe hỏi liền giả ý động lòng, (khóc) **tắm** **tức** **tắm** **tuổi** mà đáp rằng: (...)*”.

Trong các từ láy được sử dụng, chúng tôi nhận thấy có những từ ngữ thể hiện đậm nét tính cách chân chất của người Nam Bộ. Đọc một đoạn văn ngắn, có thể bắt gặp khá nhiều từ láy có tác dụng gợi tả trạng thái, tính chất của hành động khá chân thực, mộc mạc:

“*Đến nơi chưa nhằm giờ tan học, nên phải ở dưới ghe mà chờ, trong lòng nóng như lửa đốt, cứ dòm chừng đồng hồ hoài, lúc gần tới năm giờ liền mặc áo bịch khăn rồi xách dù lên bờ tìm đèn trước trường học, cứ đi qua đi lại mắt **lom lom** ngó chừng trong trường chờ cho học trò đi ra **đặng** **đón** hỏi thăm Lâm Trí Viễn. Còn đang **lóng** **nhóng** ngoài đường, vùng nghe tiếng trống trong*

trường: *Thùng, thùng...*”.

Bên cạnh đó, *Nghĩa hiệp kì duyên* còn thu hút người đọc bởi nét hồn nhiên, sinh động của các từ ngữ hội thoại được dùng phổ biến trong lời thường ngày của người dân đương thời như: *rù quén, ngó sừng, cột lưng (lận lưng), nhứt nhứt (luôn luôn), thả rểu, (mặt mày) tái lét, vùng khốc rông, (ở) đậu bạc, ăn mặc phủ phê, trông tuổi, huôi hút (một mình), hằm hút, đùm đậu, tác tươi (cái thân nó), nhào giữa dây tê tê, sanh bụng tạo, hườn (đi), đực (nặng), đứng trân, khuya hoắc, trong mình có tịch, té ra, cảm nhặc, mét thót, nhảy a lại, nổi xung, đá nhàu...* Trong tác phẩm, tác giả còn sử dụng cả từ ngữ lóng hiểm hoi:

“*Chẳng dè họ chèo thẳng lên Nam Vang rồi chờ luôn vô Ô Đông mà bán tôi cho một người **đầu gà đít vịt** (người lai giữa người Hoa và Khmer - theo chú thích của truyện), mà người ấy lại thương tôi lắm (...)*”.

Lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân Nam Bộ đã được Nguyễn Chánh Sắt mang vào trong *Nghĩa hiệp kì duyên* một cách tự nhiên, dung dị như chính bản thân cuộc sống giản dị, hiền hòa, phóng khoáng của những người con đất phương Nam: *chẳng nệ tốn hao, nhảy phóc xuống tàu, trịch áo bày bên vai trái, chẳng hề dám đơn sai một mảy, bồng phước tôi xuống ghe rồi nhổ sào chèo tuốt, mừng quá đỗi mừng, làm tuồng mắc cỡ, ngó lơ láo, nhai trầu tích toát, xĩa thuốc ba ngoai, vượt bụng cái xẹp, làm màu từ chối đôi ba phen, chạy về một nước, dùng phát nóng lạnh mê mang, sá chi đôi ba cái bông quèn, tính phứt cho rồi, nhảy*

phốc lên đánh chạy như giông thẳng ra Xà - Tón, thà là chết phứt cho rồi, vùng khốc rông, lỏn ra ngã sau mà đông mắt...

Sự phong phú của lớp từ vựng khẩu ngữ Nam Bộ đầu thế kỉ XX, còn thể hiện ở những hình thức định danh có sự phân biệt tinh tế về nghĩa và nhiều hình thức biểu đạt đồng nghĩa. Để diễn đạt hành động nói, có nhiều cách biểu đạt để chỉ những cách nói khác nhau: *nói rước (nói đón đầu), nói suốt một hồi thì đà êm chuyện, nói trớ (nói lảng sang chuyện khác)*... Để diễn đạt cái chết cũng có nhiều cách thể hiện: *đến ngày hết số, chết, chết tươi, thác...* Biểu đạt niềm vui cũng có nhiều cách: *mừng chẳng xiết mừng, lòng mừng khắp khơi, mừng quá mà nói ló, mừng vui chẳng xiết, mừng rỡ chẳng cùng, mừng rỡ vô cùng, mừng thăm...*

1.2. Những từ ngữ cũ, ngữ đoạn Hán Việt vẫn giữ vai trò chủ đạo trong câu văn miêu tả và trần thuật

Thật sự không công bằng nếu như chỉ đề cập sự phong phú của những từ ngữ hội thoại mang màu sắc khẩu ngữ thông tục trong tác phẩm, *Nghĩa hiệp kì duyên* là một cuốn tiểu thuyết mà ở đó người ta có thể tìm thấy những từ cũ, những cách diễn đạt rất xưa cũ của tiếng Việt đầu thế kỉ XX.

Có những sự vật được định danh theo cách tri nhận của người Việt ở thời kì này: *nhà hàng tây (khách sạn), khạo hò, lái biển, trẻ bạn (phu chèo), khán quan (độc giả), con đòi (người giúp việc), lính đi thơ (người đưa thư), thông ngôn giấy thép (phiên dịch bưu điện), nhà giấy*

(văn phòng), đàn thố (người dân tộc ít người)... Không ít từ cũ là từ Hán Việt có ý nghĩa khá trừu tượng và mang màu sắc sách vở cứng nhắc, khô khan: *đốn thủ, khách địa, vi tiện, nhân quần xã hội, (giả chước) thuận tùng, hiệp cần, lộ đồ, phục thị, vi tiện, an hảo, ký ngụ, tấu xảo, liêm dung, đình trú, khôi tâm (với thể sự), bôn đào, khuẩn bức, minh linh, kì trung nài nghi...* Bên cạnh đó, nghĩa của một số từ ngữ ở thời kì này so với tiếng Việt hiện nay đã có nhiều thay đổi: *sấm sửa* thuốc men (chuẩn bị thuốc men), ra tài *thủ đoạn* (thể hiện sự tài giỏi), *đề huê* dắc nhau ra đi (cùng dắc nhau đi), túi cái *bổn phận* (túi thân), nét mặt *phương phi* (mặt mũi sáng sủa), *trai tơ* (traoi trẻ), *gái tơ* (gái trẻ), sáng khoái *tâm thần* (sáng khoái tinh thần)...

Điểm nổi bật trong tác phẩm này là việc dùng rất nhiều thành ngữ Hán Việt để miêu tả hình dáng, phẩm chất, tâm lí hoặc hành động của nhân vật:

Tả hình dáng, vẻ đẹp và thể chất của người con gái: *bá mị thiên kiều, ngư trầm lạc nhận, minh hạc xương mai, nhược chất liễu (liễu) bồ...*

Tả phẩm chất: *thiết thạch tâm trường, thọ ơn mạc vong, thi huệ vô niêm, cung thật ngôn lương, chánh nhân quân tử, trâm anh thể phiệt, từ nghiêm nghĩa chạnh, quen (quyến) gió rủ trắng, sớm muộn tới đào, trư chim chiều gió...*

Trong tổng số 66 thành ngữ được sử dụng trong tác phẩm thì thành ngữ đối Hán Việt chiếm đại đa số (39/66), được dùng ở nguyên dạng như: *bá mị thiên kiều, ngư trầm lạc nhận, trinh tịnh u nhàn, bất phụ sở danh, nhứt ngôn thuyết*

quá tứ mã nang (nan) truy, thiết thạch tâm trường, thọ ơn mạc vong, thi huệ vô niêm, lục châu thiên hạ, cung thật ngôn lương, chánh nhân quân tử, nhược chất liễu bồ, kì hoa dị thảo, thủy tú sơn thanh, thanh sơn bất lão, lục thủy trường tồn... hoặc dùng ở dạng chuyển dịch sang các yếu tố thuần Việt: *kết cỏ ngâm vành* (xem Tả truyện), *trư chim chiều gió, mai nhành chim chiều lá gió* (lá gió cành chim - Chi nghênh nam bắc điều; Diệp tổng vãng lai phong - Chuyện nàng Tiết Đào đời Đường làm thơ), *tạc dạ ghi xương* (khắc cốt ghi tâm), *kết tóc xe tơ* (Thơ Tô Vũ: Kết phát vì phu thê, ân ái lưỡng bất nghi)...

Tuy nhiên, các thành ngữ thuần Việt dung dị màu sắc bình dân cũng được tác giả lưu ý sử dụng: *bưng bích (bít) miệng bình, thân không hay quý không biết, ăn cơm bữa, ngày lụn tháng qua, chạy như đông, lao thân mệt xác, trộm dẫu thâm yêu, ơn trọng nghĩa dày, (bất) thương da thương diết, no cơm ấm áo, sớm muộn tới đào, ơn trọng đức dày, nghĩa cũ tình xưa...* Trong số đó, có một vài thành ngữ đã mượn ý và cấu trúc câu văn tiếng Hán để diễn đạt lại theo kiểu của người Việt: *sớm muộn tới đào* (*sớm Ngô tới Sở*), *lao thân mệt xác* (*lao tâm khổ tứ*)... Những cách biến đổi này cho thấy mặc dù ảnh hưởng của Hán học vẫn còn sâu đậm trong văn phong tiểu thuyết Nam Bộ thời kì đầu nhưng xu hướng Việt hóa và các yếu tố thuần Việt đã dần khẳng định vai trò và vị trí trong sự diễn đạt của câu văn tiếng Việt hiện đại.

2. Sự hòa phối giữa câu văn liền ngẫu với những ngữ đoạn mang dáng

đáp của câu văn Pháp

Như hầu hết tiểu thuyết Nam Bộ thời kì đầu, *Nghĩa hiệp kì duyên* của Nguyễn Chánh Sắt vẫn chưa thoát khỏi lối văn biên ngẫu đặng đối. Có rất nhiều câu văn dài lê thê (123 chữ - trang 14) gồm nhiều vế đối xứng, trùng điệp. Không quá khó khăn để tìm thấy trong các trang viết những câu văn biên ngẫu như sau:

- “Cho nên khi nàng vừa trộng “ra mã con gái rồi” thì tánh không ưa bề trịnh tịnh u nhàn dạ lại muốn những việc ong chường bướm cháng (chán).”

- “(...) thiệt sức học tôi tuy chẳng dám sánh cùng Biền Thuộc, chớ nghề hay tôi cũng xấp xỉ với Hoa Đà.”

- “(...) mới tính cậy tin ong xứ điệp, quyết mong thả lí gieo đào; ban đầu còn xa sau hóa ra gần, đến khi giáp mặt nhau rồi, hai bên cũng liết (liếc), hai lòng cũng ưa”.

Tuy nhiên bên trong những câu văn biên ngẫu lại có những ngữ đoạn mà trật tự các thành tố mang dáng dấp của câu văn Pháp:

- “Nguyên Trịnh - thế - Xương từ bé đến chừ, những mản (mảnh) cần cù lo bề buôn bán trong ngoài muôn việc đều gồm hết, xem sóc có một mình, tháng ngày ràng buộc chẳng; hờ cái tay; đến khi giàu có gia nghiệp trăm muôn, thì lại càng câu thúc hơn nữa, kể thấy con lạc mất, té ra **sự cực nhọc** rồi kể **sự buồn rầu** nó dồn dập tới hoài, cho nên chưa được hưởng một ngày thong thả”.

- “Trịnh Thế Xương vừa thấy được cái bột son trên vai của nàng rồi, ôi thôi, thiệt tôi rất tiếc, không biết bút mực nào

mà tả cho rõ hình dạng **cái sự mừng** của Trịnh Thế Xương lúc nọ cho khán quan hiểu được”.

- “Cao- Quốc Thủ lại **chúm chiếm cười** mà nói rằng: (...)”, “ (...) chừng đó Phi đáng mới làm **bộ tức trời khóc theo**”, “kể thấy dì bán cá ở chợ về, **lon xon bung rổ bước vào...**”.

Sự ảnh hưởng của tiếng Pháp đối với câu văn tiếng Việt thể hiện rõ ở cấu trúc danh hóa “sự + động/ tính từ” và cấu trúc “tính từ thể cách + động từ”. Đây là một trong những cách làm mới câu văn tiểu thuyết tiếng Việt thời kì đầu.

Không chỉ khác biệt với văn chương cổ về hình thức câu văn, cách thức miêu tả nhân vật trong *Nghĩa hiệp kì duyên* mặc dù chưa thoát khỏi những công thức mang tính ước lệ như: hình dung yếu điệu, yếu điệu phương phi, hình dung cổ quái... nhưng bước đầu đã có những miêu tả khá cụ thể: da trắng môi son, tóc dài răng nhỏ, tóc mây dài thậm thược, con mắt vàng lờm, nước da như quả táo...

Ngôn ngữ nhân vật chân chất, tự nhiên như ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày mà không mang màu sắc gọt giũa, không bị lệ thuộc nhiều vào những cách nói năng khuôn sáo:

- “**Ủa!** nói vậy **té ra** bác đây là Ông Trịnh thế Xương sao? **Cơ khổ dữ!** (...)”

- “**Hèn chi** người ta nói con nhà học trò cũng phải, **thiệt** trò em không biết bao nhiêu tuổi mà ăn nói khôn ngoan lễ nghĩa tử tế quá.”

- “**Trời đất ơi!** Đây với đó có bao xa không biết, phải tôi dè vậy thì tôi nhấn cho ông anh hay đã lâu rồi chớ đâu mà

để cho tới ngày nay”.

Thỉnh thoảng trong ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật, có thể tìm thấy những thán từ, tiểu từ tình thái góp phần bộc lộ cảm xúc trong lời nói: *ày, ôi, ủa, cơ khổ dữ, cơ khổ, ôi thôi, dữ cà...*

Tuy nhiên, từ xưng hô giữa các nhân vật vẫn còn giữ được cách xưng hô

trang trọng của người Việt xưa. Các nhân vật không có quan hệ thân tộc, xưng hô với nhau rất nghiêm túc, khách sáo. Từ dùng xưng hô ở ngôi thứ 1, chủ yếu là từ “tôi”. Từ xưng hô ở ngôi thứ 2 đa dạng hơn, tùy thuộc vào giới tính và địa vị xã hội hoặc tuổi tác:

Các nhân vật	Tự xưng	Ngôi đối
Lâm Trí Viễn - Đào Phi Đáng	Tôi	Cô
Đào Phi Đáng - Lâm Trí Viễn	Tôi	Thầy
Trần Trọng Nghĩa - Trịnh Phương Lang	Tôi	Cô
Trịnh Phương Lang - Trần Trọng Nghĩa	Tôi	Thầy
Trịnh Thế Xương - Lâm Trí Viễn	Tôi	Trò em
Lâm Trí Viễn - Trịnh Thế Xương	Tôi	Bác
Trịnh Thế Xương - Trần Trọng Nghĩa	Tôi	Cậu em/ Thầy/ Thầy thông
Trần Trọng Nghĩa - Trịnh Thế Xương	Tôi	Bác

Thậm chí, hai nhân vật (nam/nữ) đang có quan hệ tình cảm vẫn có cách xưng hô khá trang trọng và hơi xa cách:

“Ừa! nhứt báo thì nhứt báo, mà tôi thì tôi, có cang cặp chi nhau, sao lại may cho tôi, thầy nói cái chi lạ vậy?” (Lời Đào Phi Đáng nói với Lâm Trí Viễn).

3. Sự kết hợp của kết cấu tiểu thuyết chương hồi với cách kể chuyện hiện đại

Ngay từ tiêu đề tác phẩm, người đọc đã thấy thấp thoáng bóng dáng của kiểu tiểu thuyết “nghĩa hiệp”, “kì tình” kiểu Trung Hoa. Câu chuyện được xếp đặt trong cái khuôn quen thuộc theo kiểu tiểu thuyết chương hồi. Truyện được chia làm 16 chương, mỗi chương được giới thiệu khái quát bằng một câu mang nội dung thông tin nổi bật: *Lâm Trí Viễn dụng mưu, Một chước rất màu, Trịnh Thế Xương mắc kế, Trịnh Phương Lang gặp*

cứu, Đoàn viên một cửa... Kết thúc truyện vẫn đi theo lối mòn theo kiểu kết thúc có hậu “*chánh nghĩa thắng gian tà*”, “*một nhà đoàn viên*”... của truyện Việt Nam ngày xưa.

Tuy nhiên cách mở đầu câu chuyện và cách sắp xếp tình tiết sự kiện đã bước đầu cho thấy *Nghĩa hiệp kì duyên* đã cố gắng thoát ra khỏi những ràng buộc của cách kể chuyện cũ để mang lại sắc thái hiện đại trong bố cục cũng như cách dẫn dắt sự kiện.

Tác phẩm mở đầu bằng khung cảnh hẹn hò giữa đôi tình nhân Lâm Trí Viễn và Đào Phi Đáng. Sự xuất hiện của hai nhân vật phụ nhằm dẫn dắt người đọc tìm đến với các nhân vật trung tâm của câu chuyện: cha con Trịnh Thế Xương – Trịnh Phương Lang, đôi uyên ương: Trần Trọng Nghĩa - Trịnh Phương Lang... cho thấy truyện đã tiếp cận được cách mở đầu

và dẫn dắt câu chuyện của tiểu thuyết hiện đại phương Tây.

Tác giả đã để cho nhân vật nói nhiều hơn, hành động nhiều hơn tuy đôi lúc vẫn còn chêm xen những lời bình luận của người kể chuyện (tác giả) kiểu như: *chín hấu còn mại hơi đa, cũng là một môn với dì Tư bán cá, rồi đời hết một mạng, rồi đời hết hai mạng, rồi đời hết ba mạng...* Ngoài ra còn có khá nhiều đoạn tác giả tự nói với độc giả (trong vai người kể chuyện) để giải thích thêm cho rõ các tình tiết, diễn biến: *Từ đây Phi Đáng mạo nhận làm con của Trịnh Thế Xương rồi, không ai hay biết chi hết, lẽ thì kêu nàng là Trịnh Phương Lang mới phải, nhưng e khán quan hiểu lộn, nên tôi phải để tên Phi Đáng luôn cho phân biệt.* Tất cả những phần này, tác giả luôn lưu ý đặt trong dấu ngoặc đơn.

Trên cơ sở những phân tích bước đầu về ngôn ngữ văn xuôi trong *Nghĩa hiệp kì duyên* của Nguyễn Chánh Sắt,

chúng tôi hoàn toàn tán đồng với nhận định: “Ở Nguyễn Chánh Sắt gần như hội tụ được những phẩm chất của một kiểu người làm văn học tiêu biểu hồi đầu thế kỉ XX ở Nam Bộ: rành tiếng Pháp, giỏi Hán văn, thông thạo Quốc ngữ (...) kịp thời đón bắt những đòi hỏi thay của đời sống xã hội và thị hiếu công chúng, góp phần làm nên diện mạo và chất lượng mới cho văn học.” [5]. Sự am hiểu về ngôn ngữ và đời sống của người dân Nam Bộ đã giúp ông kết hợp được các yếu tố cũ và mới, truyền thống và hiện đại, Đông và Tây để thể hiện trong ngôn ngữ tác phẩm. Mặc dù vẫn còn một số hạn chế khách quan của văn xuôi hiện đại thời kì đầu nhưng *Nghĩa hiệp kì duyên* thực sự xứng đáng là một thành tựu đáng ghi nhận trên phương diện làm mới cho văn xuôi quốc ngữ và góp phần không nhỏ trong tiến trình hình thành phát triển của tiểu thuyết Việt Nam thế kỉ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Tịnh (Paulus) Cửa (1895), *Đại Nam quốc âm tự vị*, Nxb Khai trí.
2. Nguyễn Thạch Giang (2000), *Từ điển văn học quốc âm*, Nxb Văn hóa Thông tin.
3. Nguyễn Thạch Giang (2003), *Tiếng Việt trong thư tịch cổ Việt Nam (quyển 1)*, Nxb Khoa học xã hội.
4. Bằng Giang (1992), *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930*, Nxb Trẻ, TPHCM.
5. Nguyễn Văn Hà (2009), *Nguyễn Chánh Sắt trong hành trình văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ đầu thế kỉ XX*, w.w.w.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn.
6. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng (1988), *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
7. Bùi Đức Tịnh (1992), *Những bước đầu của báo chí, tiểu thuyết và thơ mới*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-6-2013; ngày phản biện đánh giá: 01-7-2013; ngày chấp nhận đăng: 12-8-2013)